CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 23

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Bùi Mạnh Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/03/2020
Bà Phạm Thị Anh Thư	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/03/2020
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	Phó chủ tịch	
Ông Trần Đình Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/03/2020
Ông Đặng Hồng Trường	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/03/2020

Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 17.601.155.399 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

M.S.D.N: 0302020027 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hữu Hoàn
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 269/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 2.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 17.601.155.399 VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302361789 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM - QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH

Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Phan Hoài Nam
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.275.549.261**	**6.307.700.810**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4.1	**599.556.955**	**2.830.394.014**
1. Tiền	111		599.556.955	2.830.394.014
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**656.490.373**	**1.411.388.861**
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.2	178.581.641	1.210.002.409
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	477.908.732	201.386.452
III. Hàng tồn kho	**140**		**269.201.162**	**289.817.350**
1. Hàng tồn kho	141	4.4	269.201.162	289.817.350
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**750.300.771**	**1.776.100.585**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	389.858.750	644.600.936
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		360.442.021	1.131.499.649
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**23.926.535.183**	**35.873.422.646**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**5.000.000**	**5.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.3	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**19.037.555.586**	**27.993.224.526**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	9.037.555.586	17.993.224.526
Nguyên giá	222		179.592.380.443	179.592.380.443
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.554.824.857)	(161.599.155.917)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	10.000.000.000	10.000.000.000
Nguyên giá	228		10.000.000.000	10.000.000.000
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**205.155.121**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	205.155.121
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.883.979.597**	**7.670.042.999**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	4.883.979.597	7.670.042.999
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**26.202.084.444**	**42.181.123.456**

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**19.880.704.660**	**35.321.903.589**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**19.876.704.660**	**35.317.903.589**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	284.469.181	1.422.589.694
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	967.896.263	1.169.841.751
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.5	2.923.449	1.374.000
4. Phải trả người lao động	314	4.11	85.137.000	584.394.925
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	17.473.934.599	17.089.723.994
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	1.054.704.118	1.423.339.175
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	13.619.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.640.050	7.640.050
II. Nợ dài hạn	**330**		**4.000.000**	**4.000.000**
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	4.000.000	4.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**6.321.379.784**	**6.859.219.867**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.14	**6.321.379.784**	**6.859.219.867**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(188.100.000)	(188.100.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(43.490.520.216)	(42.952.680.133)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(42.952.680.133)	(45.047.621.040)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(537.840.083)	2.094.940.907
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**26.202.084.444**	**42.181.123.456**

Phê duyệt

M.S.D.N: 0302020027 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hữu Hoàn
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập

Lê Thanh Hà
Kế toán trưởng

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	26.498.539.381	26.966.666.490
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26.498.539.381	26.966.666.490
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	24.339.151.536	21.752.442.493
4. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.159.387.845	5.214.223.997
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	62.020.428	50.136.224
6. Chi phí tài chính	22	5.4	605.732.019	874.651.728
Trong đó, chi phí lãi vay	*23*		*590.290.396*	*867.827.499*
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	330.636.511	336.536.542
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	1.822.879.826	1.958.231.044
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(537.840.083)	2.094.940.907
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(537.840.083)	2.094.940.907
11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(537.840.083)	2.094.940.907
12. Lãi/(Lỗi) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	(108)	421
13. Lãi/(Lỗi) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	(108)	421

Phê duyệt

M.S.D.N: 0302020029 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hữu Hoàn
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập

Lê Thanh Hà
Kế toán trưởng

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**(537.840.083)**	**2.094.940.907**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	8.955.668.940	8.955.668.940
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.453.643	(24.202.544)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư			(79.431)	
Chi phí lãi vay	06		590.290.396	867.827.499
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**9.016.493.465**	**11.894.234.802**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.525.956.116	(1.513.744.820)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.616.188	234.382.572
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.929.873.728)	214.785.636
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.040.805.588	(4.100.067.165)
Tiền lãi vay đã trả	14		(286.368.138)	(37.637.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**11.387.629.491**	**6.691.953.765**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		79.431	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**79.431**	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.533.505.000	3.400.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(16.152.505.000)	(8.516.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(13.619.000.000)**	**(5.116.800.000)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**		**(2.231.291.078)**	**1.575.153.765**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.830.394.014	1.255.246.640
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		454.019	(6.391)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	**70**	4.1	**599.556.955**	**2.830.394.014**

Phê duyệt

Nguyễn Hữu Hoàn
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập

Lê Thanh Hà
Kế toán trưởng

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 10 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	Việt Nam	13.230.000.000	26.46	13.230.000.000	26.46
Tổng công ty Bảo việt Nhân Thọ	Việt Nam	4.410.000.000	8.82	4.410.000.000	8.82
Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)	Việt Nam	4.409.000.000	8.82	4.409.000.000	8.82
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Việt Nam	12.440.100.000	24.88	12.440.100.000	24.88
Các cổ đông khác	Việt Nam	15.510.900.000	31.02	15.510.900.000	31.02
Cộng		**50.000.000.000**	**100**	**50.000.000.000**	**100**

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 40 Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 24 (31/12/2019: 26).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 17.601.155.399 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2020 không có lý do gì để Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến mua vật tư và chi phí sửa chữa tàu. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ từ 2 tháng đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ 3 tháng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 2 năm đến 3 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu cung cấp dịch vụ, thu thập khác

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2020, Công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ vận tải biển: 0%
- Dịch vụ cho thuê văn phòng: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	168.882.906	98.975.831
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	430.674.049	2.731.418.183
Cộng	**599.556.955**	**2.830.394.014**

4.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
National Marine Corp. Phils	32.202.930	32.321.760
PT. Gesuri Lloyd Jakarta	30.854.231	30.968.084
China Ocean Shipping Agency Zhanjiang	22.118.437	22.200.055
Các nhà cung cấp khác	93.406.043	1.124.512.510
Cộng	**178.581.641**	**1.210.002.409**

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Khoản bồi thường từ công ty bảo hiểm	414.986.452	-	201.386.452	-
Tiền ăn ngoại tệ tàu Sea Dream	52.922.280	-	-	-
Phải thu người lao động	10.000.000	-	-	-
Cộng	**477.908.732**	**-**	**201.386.452**	**-**
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-

4.4. Hàng tồn kho

Chủ yếu là dầu nhớt và phụ tùng thay thế phục vụ cho tàu biển.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.923.449	40.625.675	39.076.226	-	1.374.000
Các loại thuế khác	-	-	3.000.531	3.000.531	-	-
Cộng	**-**	**2.923.449**	**43.626.206**	**42.076.757**	**-**	**1.374.000**

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2020	2.190.873.689	40.826.894	177.360.679.860	179.592.380.443
Tại ngày 31/12/2020	**2.190.873.689**	**40.826.894**	**177.360.679.860**	**179.592.380.443**
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	113.925.427	40.826.894	161.444.403.596	161.599.155.917
Khấu hao trong năm	87.634.944	-	8.868.033.996	8.955.668.940
Tại ngày 31/12/2020	**201.560.371**	**40.826.894**	**170.312.437.592**	**170.554.824.857**
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2020	2.076.948.262	-	15.916.276.264	17.993.224.526
Tại ngày 31/12/2020	**1.989.313.318**	**-**	**7.048.242.268**	**9.037.555.586**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 40.826.894 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	-	335.988.648
Chi phí phụ tùng	389.858.750	308.612.288
Cộng	**389.858.750**	**644.600.936**
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tàu 2-3 năm	3.952.290.501	6.160.180.566
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	931.689.096	1.509.862.433
Cộng	**4.883.979.597**	**7.670.042.999**

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Golden orient Ship Management & Agencies, Inc	24.861.872	24.861.872	24.867.227	24.867.227
Shanghai Safe Shipping Agency Co., Ltd	26.690.053	26.690.053	26.695.802	26.695.802
Nantong Fareast Intl Shipping Agency Co., Ltd	96.569.061	96.569.061	96.589.859	96.589.859
Phải trả cho các đối tượng khác	136.348.195	136.348.195	1.274.436.806	1.274.436.806
Cộng	**284.469.181**	**284.469.181**	**1.422.589.694**	**1.422.589.694**

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Seapioneer Shipping Co., ltd	942.499.981	1.144.440.000
Các khách hàng khác	25.396.282	25.401.751
Cộng	**967.896.263**	**1.169.841.751**

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho một số thuyền viên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí bảo hiểm tàu	80.288.347	-
Chí phí lãi vay (*)	17.393.646.252	17.089.723.994
Cộng	**17.473.934.599**	**17.089.723.994**

(*) Là lãi vay phải trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam và công ty có kế hoạch trả trong vòng 2 năm tới.

4.13. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	93.117.360	172.806.092
Cổ tức	807.073.600	807.073.600
Thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ	-	269.344.189
Các khoản phải trả, phải nộp khác	154.513.158	174.115.294
Cộng	**1.054.704.118**	**1.423.339.175**
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	4.000.000	4.000.000

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	50.000.000.000	(188.100.000)	(45.047.621.040)	4.764.278.960
Lãi trong năm trước	-	-	2.094.940.907	2.094.940.907
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	(188.100.000)	(42.952.680.133)	6.859.219.867
Lỗ trong năm nay	-	-	(537.840.083)	(537.840.083)
Tại ngày 31/12/2020	**50.000.000.000**	**(188.100.000)**	**(43.490.520.216)**	**6.321.379.784**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	13.230.000.000	13.230.000.000
Tổng công ty Bảo việt Nhân Thọ	4.410.000.000	4.410.000.000
Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)	4.409.000.000	4.409.000.000
Ông Nguyễn Đức Mạnh	12.440.100.000	12.440.100.000
Các cổ đông khác	15.510.900.000	15.510.900.000
Cộng	**50.000.000.000**	**50.000.000.000**

4.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(18.810)	(18.810)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.981.190	4.981.190

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.14.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lỗ sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	(537.840.083)	2.094.940.907
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm	4.981.190	4.981.190
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(108)**	**421**

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	18.434,43	49.989,97

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Là doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê một phần trụ sở.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ

Là giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê trụ sở.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	79.431	131.649
Lãi chênh lệch tỷ giá	61.940.997	50.004.575
Cộng	**62.020.428**	**50.136.224**

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	590.290.396	867.827.499
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.441.623	6.824.229
Cộng	**605.732.019**	**874.651.728**

5.5. Chi phí bán hàng

Là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	1.187.872.104	1.170.666.836
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.637.233	14.005.966
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.634.944	87.634.944
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.533.903	59.119.920
Chi phí khác bằng tiền	459.201.642	623.803.378
Cộng	**1.822.879.826**	**1.958.231.044**

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.572.321.608	2.428.962.039
Chi phí nhân công	6.042.219.931	5.812.212.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.955.668.940	8.955.668.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.658.876.822	5.299.192.647
Chi phí khác bằng tiền	1.263.580.572	1.551.174.188
Cộng	**26.492.667.873**	**24.047.210.079**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.533.505.000	3.400.000.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	16.152.505.000	8.516.800.000

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là cho thuê tàu vận tải biển và hoạt động hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – Công ty TNHH MTV	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Thu nhập của Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	332.600.000	344.076.000

9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	43.636.364	43.636.364

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31 tháng 12 năm 2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt	Người lập
Nguyễn Hữu Hoàn	Lê Thanh Hà
Giám đốc	Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2021